

**Biểu mẫu 11**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN TIÊN LĂNG  
**TRƯỜNG THCS ĐOÀN LẬP**

**THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	13	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	13	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	1	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	44.75	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>		-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	5400	10.05
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	1000	2.1
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	1112	
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	48	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	48	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	48	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội (m <sup>2</sup> )	27	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		Số bộ/lớp
1.1	Khối lớp 6	<b>2</b>	<b>20</b>
1.2	Khối lớp 7	<b>1</b>	<b>10</b>
1.3	Khối lớp 8	<b>2</b>	<b>12</b>
1.4	Khối lớp 9	<b>2</b>	<b>17</b>
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
p4	...		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập Phòng chức năng Tin học (Đơn vị tính: bộ)</b>	25	Số học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	11	11/13
2	Cát xét/Âm ly	2	
3	Loa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	3/13
5	Thiết bị khác (máy tính văn phòng)	5	
..	Thiết bị khác (máy tính tại các phòng học)		

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	0
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	0		
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh *	1	0	2	0	0,21/0,21
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0		

(\*) Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
<b>XV</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	x	
<b>XVI</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>	x	
<b>XVII</b>	<b>Kết nối internet</b>	x	
<b>XVIII</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b>	x	
<b>XIX</b>	<b>Tường rào xây</b>	x	

Đoàn Lập, ngày 15 tháng 9 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**



*Nguyễn Bình Xuyên*  
**HIỆU TRƯỞNG**